TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 40/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28-02-2018
V/v: xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Thanh Hoàng.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Võ Văn Minh;**
2. Ông **Huỳnh Thanh Bình**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Sang** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

Đại diện viên kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Hoàng Lưu** - Kiểm sát viên.

Trong ngày **28** tháng **02** năm **2018** tại trụ sở Toà án nhân dân huyện A mở phiên toà xét sử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 276/2017/TLST–HNGD ngày 04 tháng 10 năm 2017 về việc "*Xin ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Mỹ T**, sinh năm: 1990.

Cư trú: Tổ 24, ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang;

Bị đơn: Ông **Đỗ Văn Đ**, sinh năm: 1988.

Cư trú: Tổ 24, ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang.

(Tại phiên tòa bà T có mặt, ông Đ vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và bản tự khai bà Nguyễn Thị Mỹ T trình bày: Hôn nhân giữa tôi với ông Đ được hình thành là hai bên tự tìm hiểu, được cha mẹ hai bên đứng ra tổ chức đám cưới vào năm 2006. Hôn nhân có đăng ký kết hôn vào năm 2009 tại UBND xã P, huyện A, tỉnh An Giang. Cuộc sống chung hạnh phúc đến cuối năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông Đ không phụ giúp kinh tế trong gia đình, trong

khi vợ chồng bà có hai con chung nhưng mọi chi tiêu gia đình ông Đ bỏ mặc bà tự trang trải. Từ đó, dần dần vợ chồng bất đồng quan điểm và cự cải; ông Đ chẳng những không sửa đổi mà còn thường xuyên ăn nhậu về kiếm chuyện đánh bà. Do thấy không thể tiếp tục chung sống nên bà bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống một thời gian và hiện tại đi Thành Phố làm thuê để nuôi con. Nay bà không còn tình cảm với ông Đ nên xin được ly hôn.

Về quan hệ con chung: Bà với ông Đ có 02 con chung tên: Đỗ Thị Ý N, sinh ngày: 23/4/2007 và Đỗ Thị Ý V, sinh ngày: 14/10/2009. Hiện nay cháu N và V đang sống chung với bà nội của hai cháu. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết và không có nợ chung.

Trong vụ án này kể từ khi thụ lý cho đến khi Tòa án ra thông báo phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ thì ông Đ vẫn vắng mặt, Hội đồng xét xử (HĐXX) nghĩ nên cần tiến hành việc xét xử mà không qua thủ tục hòa giải.

Tại biên bản ghi nhận sự vắng mặt của đương sự và không tiến hành hòa giải được và biên bản ghi lời khai thì bà T vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn; yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; không yêu cầu giải giải quyết về tài sản chung và xác định không có nợ chung.

Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ để giải quyết vụ án. Theo biên bản lấy lời khai người làm chứng, bà Nguyễn Thị T - mẹ ruột ông Đ và bà Đỗ Thị K là cô ruột của ông Đ cung cấp: Ông Đ có nhận được các Thông báo của Tòa án nhưng không về được do đi làm thuê ở xa. Hôn nhân của bà T và ông Đ là do hai bên tự tìm hiểu và tổ chức lễ cưới vào năm 2006, có đăng ký kết hôn. Năm 2015 vợ chồng Đ phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân đến nay. Theo bà biết nguyên nhân là do ông Đ không phụ giúp kinh tế gia đình nên phát sinh mâu thuẫn, trong thời gian ly thân gia đình cũng hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Bà T và ông Đ có 02 con chung, hiện đang sống với bà T, ông Đ thống nhất cho bà T được nuôi con chung, vì ông Đ làm thuê thu nhập thấp nên không có khả năng nuôi con. Ngoài ra, theo biên bản ghi nhận ý kiến của con chung thì các cháu có nguyện vọng được sống chung với bà T.

Theo sổ hộ khẩu gia đình mà bà T cung cấp cho Tòa án thì ông Đ vẫn còn đăng ký hộ khẩu tại xã P, theo sổ hộ khẩu số 4116 do ông Đỗ Văn Đ làm chủ hộ.

Tại phiên toà hôm nay: Bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ông Đ vắng mặt lần thứ hai. Do đó, HĐXX nghĩ nên xét xử vắng mặt ông Đ theo Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chứng cứ bà T cung cấp và Tòa án thu thập được đã được công bố trong phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cũng như tại phiên tòa hôm nay.

Quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Mỹ T; giao hai cháu Đỗ Thị Ý N và Đỗ Thị Ý V cho bà T được tiếp tục nuôi và công nhận sự tự nguyện của bà T về việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung và nợ chung không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng:

Bà T kiện xin ly hôn với ông Đ. Ông Đ hiện đang cư trú tại huyện A, tỉnh An Giang. Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

[2]Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân giữa Nguyễn Thị Mỹ T và ông Đỗ Văn Đ có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện A, tỉnh An Giang vào năm 2009 là hôn nhân hợp pháp, phát sinh trách nhiệm pháp lý, được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu của bà T xin ly hôn với ông T, HĐXX xét thấy:

Bà T và ông Đ sống chung từ năm 2006 đến năm 2009 đăng ký kết hôn, quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Do ông Đ không phụ giúp kinh tế trong gia đình, bỏ mặc bà tự trang trải mọi chi tiêu, không quan tâm đến mẹ con bà dẫn đến tình cảm vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Bà T và ông Đ đã ly thân nhau từ năm 2015 cho đến nay, hai bên gia đình hàn gắn tình cảm nhưng cho hai bên nhưng không thành. Trong quá trình hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà T xác định đã không còn tình cảm với ông Đ và cương quyết ly hôn.

Xét thấy, bà T và ông Đ ly thân từ năm 2015 đến nay đã 03 năm, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông Đ đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về quan hệ con chung:

Xét yêu cầu của bà T về việc nuôi cháu Đỗ Thị Ý N, sinh ngày: 23/4/2007 và Đỗ Thị Ý V, sinh ngày: 14/10/2009. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi ly thân đến nay hai cháu N và V sống chung với bà nội nhưng mọi chi phí sinh hoạt là do bà T chu cấp và tại biên bản ghi nhận ý kiến hai cháu có nguyện vọng được sống chung với bà T. Hơn nữa, bà T là bà nội của hai cháu N và V cũng thống nhất giao hai cháu cho bà T được nuôi dạy

vì ông Đ không có khả năng nuôi con. Tại phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa, do ông Đ vắng mặt, không xác định được yêu cầu của ông.

Do đó, để đảm bảo sự chăm sóc cho cháu, cả về mặt vật chất lẫn tinh thần, sự ổn định về mặt tâm lý, sự gắn bó giữa tình cảm mẹ con và việc học của các cháu. Hội đồng xét xử nghĩ nên giao cháu N và V cho bà T được tiếp tục chăm sóc và nuôi dạy, điều này cũng phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng: Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn cha hoặc mẹ là người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét thấy nghĩ nên công nhận sự tự nguyện của đương sự.

Hội đồng xét xử cũng giải thích cho các đương sự biết:

Bà T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Đ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung và xác định không có nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết, nếu sau này các đương sự có yêu cầu thì sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Mỹ T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: ***Các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.***

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mỹ T được ly hôn với ông Đỗ Văn Đ.

Về quan hệ con chung: Bà T được tiếp tục nuôi dạy hai con chung tên Đỗ Thị Ý N, sinh ngày: 23/4/2007 và Đỗ Thị Ý V, sinh ngày: 14/10/2009.

Công nhận sự tự nguyện của bà T về việc không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà T cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Đ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con dựa trên các căn cứ theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Mỹ T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm. Số tiền này được chuyển từ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) mà bà T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A theo biên lai thu số 0010805 ngày 03/10/2017.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (28/02/2018) các bên có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo của các đương sự vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày tống đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

(Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).

Nơi nhận:
- VKSND (2);
- TAND tỉnh (1);
- Chi cục THADS (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Thanh Hoàng